

Số: 11965/BTC-CST

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2022

V/v phí quyền hoạt động viễn thông

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

Bộ Tài chính nhận được công văn số 466/VTC-VTS ngày 25/7/2022 của Tổng công ty Truyền thông Đa phương tiện (bản chụp gửi kèm) đề nghị hướng dẫn thu phí quyền hoạt động viễn thông.

Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Tại điểm 4 Mục VI Danh mục phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí quy định: *Phí quyền hoạt động viễn thông* thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính.

Tại khoản 4 Điều 20 Luật Phí và lệ phí quy định trách nhiệm của các Bộ: “... *kiến nghị với Chính phủ hoặc Bộ Tài chính về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng đối với từng khoản phí, lệ phí thuộc ngành, lĩnh vực quản lý*”.

Trên cơ sở đề xuất của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông. Tại điểm 2 Mục II Biểu mức thu phí, lệ phí cấp phép hoạt động viễn thông ban hành kèm theo Thông tư số 273/2016/TT-BTC quy định về phí thiết lập mạng viễn thông công cộng như sau:

Số TT	Hoạt động viễn thông	Mức thu (triệu đồng/năm)
1	Thiết lập mạng viễn thông công cộng (nộp hàng năm)	
1.1	<i>Thiết lập mạng viễn thông công cộng có định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông</i>	
...	...	...
c	Trong phạm vi trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	600
1.2	<i>Thiết lập mạng viễn thông công cộng có định mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện, số thuê bao viễn thông</i>	
...	...	...
b	Trong phạm vi trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2.000

2. Về sửa đổi Thông tư số 273/2016/TT-BTC

a) Ngày 09/3/2017, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có công văn số 729/BTTTT-KHTC đề nghị sửa đổi Thông tư số 273/2016/TT-BTC. Trong đó, có đề nghị sửa đổi về phí thiết lập mạng viễn thông công cộng như sau:

“1.1. Tại Mục 1 Khoản 2 Phần II Biểu mức phí kèm theo Thông tư số 273/2016/TT-BTC có quy định: “*Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng (nộp hàng năm)*” **chưa có** loại giấy phép “*thiết lập mạng viễn thông công cộng không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, có sử dụng số thuê bao viễn thông*”. Về cơ bản, loại mạng này cũng thuộc mạng viễn thông công cộng không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, tương tự loại mạng viễn thông công cộng quy định tại điểm 1.1 Mục 1 “*Thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông*”.

Do vậy, để bảo đảm công bằng giữa các doanh nghiệp được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị Bộ Tài chính đính chính Thông tư số 273/2016/TT-BTC như sau: bỏ cụm từ “không sử dụng” tại điểm 1.1 Mục 1 khoản 2 Phần II, cụ thể:

Số TT	Hoạt động viễn thông	Mức thu (triệu đồng/năm)
1	Thiết lập mạng viễn thông công cộng (nộp hàng năm)	
1.1	Thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông	
...	...	...
c	Trong phạm vi trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	600

Với điều chỉnh kiến nghị như nêu trên, khoản phí thiết lập mạng sẽ đảm bảo bao quát được các mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (có hoặc không sử dụng số thuê bao viễn thông), mặt khác phù hợp với loại giấy phép quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ hướng dẫn Luật Viễn thông.

b) Kiến nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông nêu trên đã được Bộ Tài chính tiếp thu và quy định tại Thông tư số 03/2018/TT-BTC ngày 12/01/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 273/2016/TT-BTC, như sau:

Số TT	Hoạt động viễn thông	Mức thu (triệu đồng/năm)
1	Thiết lập mạng viễn thông công cộng (nộp hàng năm)	
1.1	Thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, số thuê bao viễn thông	
...	...	...
c	Trong phạm vi trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	600

Từ các căn cứ nêu trên, Bộ Tài chính dự thảo công văn trả lời Tổng công ty Truyền thông Đa phương tiện (dự thảo gửi kèm) với nội dung: “Mức thu phí đối với thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, có sử dụng số thuê bao viễn thông (trong phạm vi trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) là 600 triệu đồng/năm. Thời gian áp dụng kể từ ngày 01/01/2017 (ngày Thông tư số 273/2016/TT-BTC có hiệu lực thi hành)”.

Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, có ý kiến về dự thảo công văn. Ý kiến xin gửi lại **Bộ Tài chính trước ngày 25/11/2022**.

Đồng thời, đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 03/2018/TT-BTC, Thông tư số 273/2016/TT-BTC; rà soát các vướng mắc phát sinh và đề xuất sửa đổi, bổ sung gửi Bộ Tài chính để ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của quý Bộ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ CST (P5) (4b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn

Số: /BTC-CST

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

V/v phí quyền hoạt động viễn thông

Kính gửi: Tổng công ty Truyền thông Đa phương tiện

Bộ Tài chính nhận được công văn số 466/VTC-VTS ngày 25/7/2022 của Tổng công ty Truyền thông Đa phương tiện đề nghị hướng dẫn về phí quyền hoạt động viễn thông. Sau khi có ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

- Tại khoản 1 Điều 41 Luật Viễn thông quy định: “Phí quyền hoạt động viễn thông là khoản tiền tổ chức trả cho Nhà nước để được quyền thiết lập mạng, cung cấp dịch vụ viễn thông”.

- Tại điểm 1 Mục I Biểu mức thu phí, lệ phí cấp phép hoạt động viễn thông ban hành kèm theo Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông và điểm 1 Mục I Biểu mức thu phí, lệ phí cấp phép hoạt động viễn thông ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BTC ngày 12/01/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 273/2016/TT-BTC quy định lệ phí cấp: Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng *sử dụng* băng tần số vô tuyến điện/Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng *không sử dụng* băng tần số vô tuyến điện: mức thu 1.000.000 đồng/lần đầu, cấp mới.

- Tại điểm 1 Mục II Biểu mức thu phí, lệ phí cấp phép hoạt động viễn thông ban hành kèm theo Thông tư số 273/2016/TT-BTC và Thông tư số 03/2018/TT-BTC quy định: mức phí cung cấp dịch vụ viễn thông là 0,5%/doanh thu dịch vụ viễn thông nhưng không thấp hơn mức tối thiểu như sau:

+ Cung cấp dịch vụ viễn thông cố định mặt đất *sử dụng* băng tần số vô tuyến điện: 01 tỷ đồng/năm.

+ Cung cấp dịch vụ viễn thông cố định mặt đất *không sử dụng* băng tần số vô tuyến điện: 250 triệu đồng/năm.

- Tại điểm 2 Mục II Biểu mức thu phí, lệ phí cấp phép hoạt động viễn thông ban hành kèm theo Thông tư số 273/2016/TT-BTC quy định phí thiết lập mạng viễn thông công cộng (trong phạm vi trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) như sau:

+ Thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất *không sử dụng* băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông: 600 triệu đồng/năm.

+ Thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện, số thuê bao viễn thông: 2 tỷ đồng/năm.

- Tại điểm 2 Mục II Biểu mức thu phí, lệ phí cấp phép hoạt động viễn thông ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BTC quy định phí thiết lập mạng viễn

thông công cộng (trong phạm vi trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) như sau:

+ Thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, số thuê bao viễn thông: 600 triệu đồng/năm.

+ Thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện, số thuê bao viễn thông: 2 tỷ đồng/năm.

Căn cứ quy định nêu trên, mức thu phí đối với thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, có sử dụng số thuê bao viễn thông (trong phạm vi trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) là 600 triệu đồng/năm. Thời gian áp dụng kể từ ngày 01/01/2017.

Bộ Tài chính trả lời đề Tổng công ty Truyền thông Đa phương tiện biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Các Vụ: PC, HCSN;
- TCT, TTrB;
- Lưu: VT, Vụ CST (CST5).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH THUẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Hằng